Mẫu số 31-VDS
(Ban hành theo NQ số 04/2018/NQ-HĐTP)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*Gia Nghĩa, ngày 27 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Trương Thị Ánh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tr, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Anh Trương Văn M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa B, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014 do Ủy ban nhân dân phường Nghĩa B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Đắk Nông cấp ngày 18/6/2014.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 25/02/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/4/2020, chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M thỏa thuận giao hai con chung là Trương K, sinh ngày 02/02/2015 và Trương H, sinh ngày 12/01/2017 cho chị Trương Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Trương Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trương K, sinh ngày 02/02/2015 và Trương H, sinh ngày 12/01/2017. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 27/4/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung là Trương K, sinh ngày 02/02/2015 và Trương H, sinh ngày 12/01/2017 cho chị Trương Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trương K, sinh ngày 02/02/2015 và Trương H, sinh ngày 12/01/2017. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng/02 con chung, phương thức cấp dưỡng theo từng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 27/4/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Ánh T và anh Trương Văn M phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003442 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- UBND phường Nghĩa B (đăng ký số 26/2014 ngày 18/6/2014);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Mai Đoàn Minh Hương